CTCP Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (UPCOM: SKV)

FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	32,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-1.5%	**-7.0%**	**-**

2024

DT thuần **1,555** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 566 ▼ 26.7%

2024

LN gộp **327** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 67.0 ▼ 17.1%

2024

LN thuần **76.5** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 54.5 ▼ 41.5%

2024

LN sau thuế **62.4** *tỷ VNĐ*

YoY ▼ 40.6 ▼ 39.7%

2024

ROE **16.1%**

+/- YoY ▼ 10.6%

2024

ROA **7.3%**

+/- YoY ▼ 5.2%

Lịch sử giá

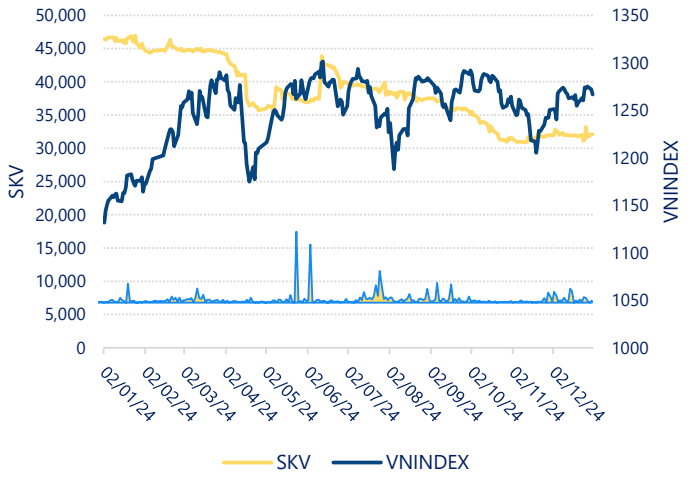

Kết quả kinh doanh

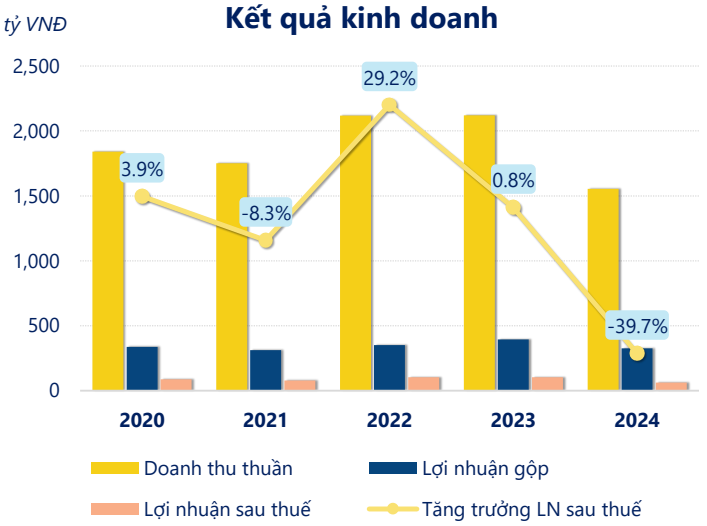

Năm **2024**, **SKV** ghi nhận doanh thu thuần **1,555** tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế **62.41** tỷ đồng, lần lượt **giảm 26.7%** và **giảm 39.7%** so với năm trước.

Công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng doanh thu cũng như lợi nhuận so với năm trước. Với mức **ROE** đạt **16.1%** cho thấy tình hình kinh doanh vẫn khá tốt, tuy nhiên cần cải thiện để đạt kết quả tốt hơn.

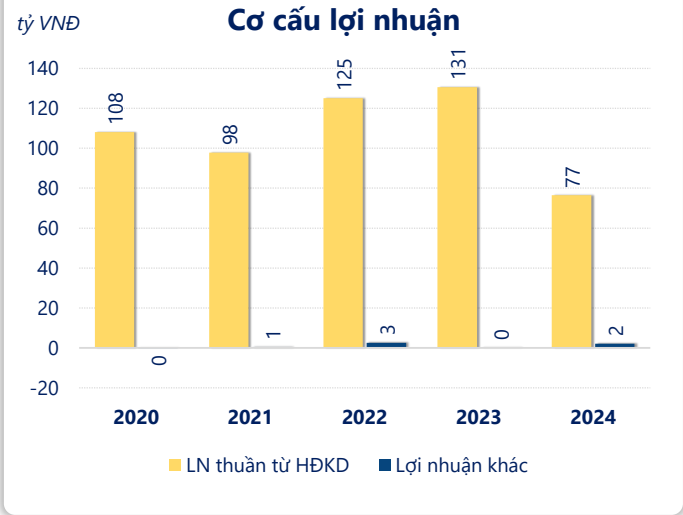

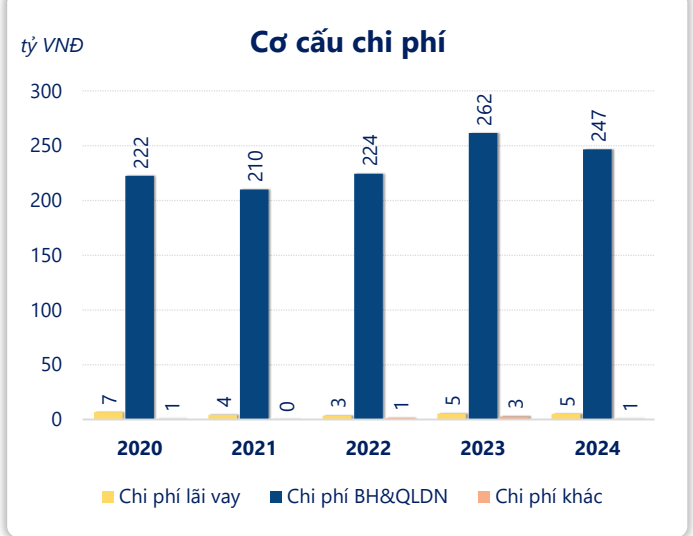

Năm **2024**, **SKV** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **76.51** tỷ đồng, **giảm đi 54.17** tỷ so với năm trước. Và thấp hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (107.7 tỷ đồng) là 31.15 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng không tích cực từ hoạt động kinh doanh, cần điều chỉnh chiến lược để hoạt động kinh doanh phục hồi.

Chi phí lãi vay giảm xuống so với năm trước, còn **5.02** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **giảm xuống** còn **246.7** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.52** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của SKV năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **16.1%**, đây là mức ROE **thấp nhất** trong vòng 5 năm gần đây.

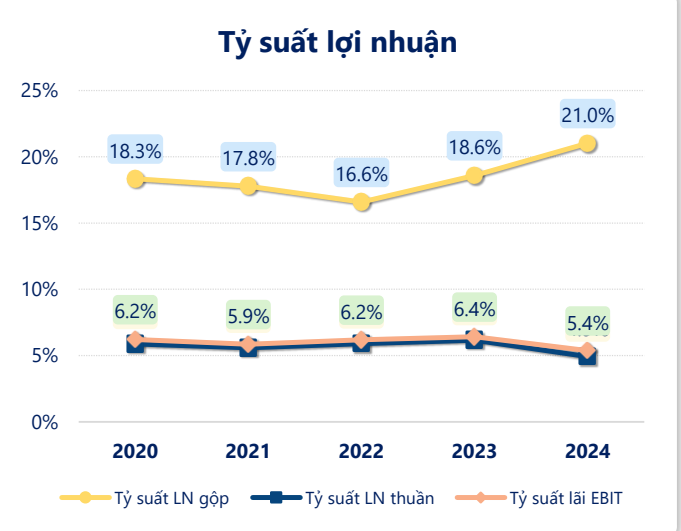

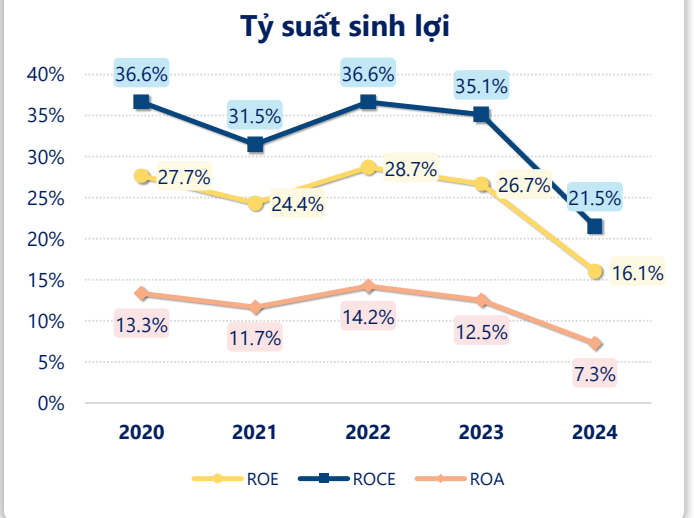

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**1,842**	**1,752**	**2,117**	**2,121**	**1,555**
Giá vốn hàng bán	1,504	1,440	1,766	1,727	1,228
Lợi nhuận gộp	**338**	**311**	**351**	**394**	**327**
Doanh thu HĐTC	0.45	1.39	1.87	4.46	2.56
Chi phí TC	7.85	4.97	3.50	6.56	6.23
Chi phí lãi vay	**6.62**	**4.31**	**3.38**	**5.39**	**5.02**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	163	154	159	183	176
Chi phí QLDN	59.7	55.6	65.0	78.2	70.8
LN thuần từ HĐKD	**108**	**97.8**	**125**	**131**	**76.5**
Lợi nhuận khác	-0.12	0.51	2.56	0.17	2.03
LN trước thuế	**108**	**98.3**	**128**	**131**	**78.5**
Lợi nhuận sau thuế	**86.6**	**79.4**	**103**	**103**	**62.4**
LNST của CĐ cty mẹ	**86.6**	**79.4**	**103**	**103**	**62.4**

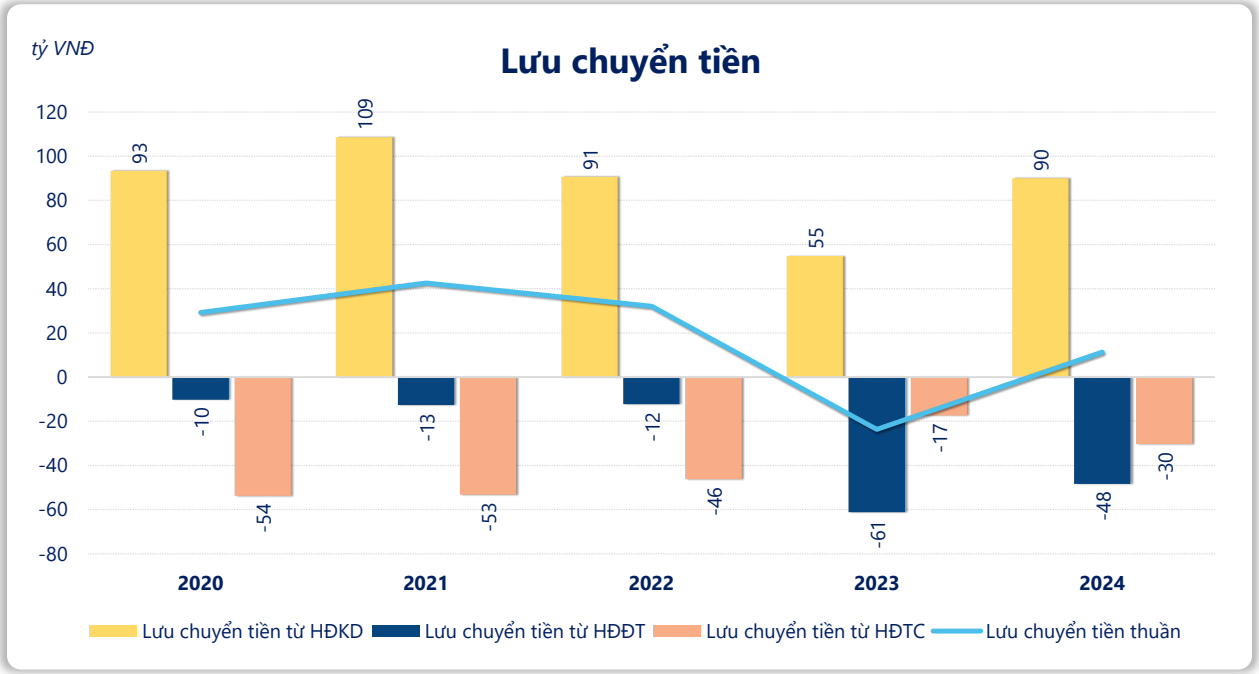

Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của SKV bằng **11.27** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-23.67 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **89.97** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-48.38** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **-30.32** tỷ đồng.